BẢNG PHIÊN ÂM QUỐC TẾ (cập nhật năm 2019)

PHỤ ÂM (CÓ LUỒNG HƠI TỪ PHỔI)

© 2019 IPA

	Môi - môi	Môi - răng	Răng	Lợi	Sau lợi	Quặt lưỡi	Mạc	Ngạc	Lưỡi con	Yết hầu	Thanh hầu
Tắc	p b			t d		ʈ ɖ	c ɟ	k g	q ɢ		ʔ
Mũi	m	ɱ		n		ɳ	ɲ	ŋ	ɴ		
Rung	ʙ			r					ʀ		
Vỗ		ⱱ		ɾ		ɽ					
Xát	ɸ β	f v	θ ð	s z	ʃ ʒ	ʂ ʐ	ç ʝ	x ɣ	χ ʁ	ħ ʕ	h ɦ
Xát bên				ɬ ɮ							
Cận		ʋ		ɹ		ɻ	j	ɰ			
Cận bên				l		ɭ	ʎ	ʟ			

Trong mỗi ô, các ký hiệu bên phải tương ứng với âm hữu thanh, các ký hiệu bên trái tương ứng với âm vô thanh.
Những chỗ bôi đậm biểu thị các cấu âm không phát âm được.

PHỤ ÂM (KHÔNG CÓ LUỒNG HƠI TỪ PHỔI)

Âm chép (âm click)	Âm hút vào hữu thanh	Âm phụt
ʘ Môi - môi	ɓ Môi - môi	ʼ Các ví dụ:
ǀ Răng	ɗ Răng/lợi	pʼ Môi - môi
ǃ (Sau) lợi	ʄ Mạc	tʼ Răng/lợi
ǂ Lợi mạc	ɠ Ngạc	kʼ Ngạc
ǁ Lợi bên	ʛ Lưỡi con	sʼ Xát lợi

CÁC NGUYÊN ÂM

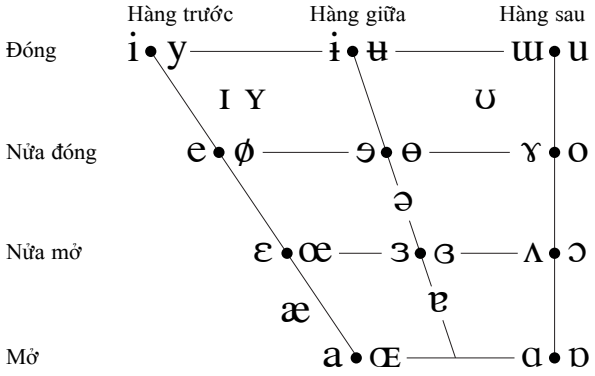

Khi các ký hiệu xuất hiện theo cặp, ký hi bên phải tương ứng với một nguyên âm tròn môi.

CÁC KÝ HIỆU KHÁC

- ʍ Âm xát môi - ngạc vô thanh
- w Âm cận môi - ngạc hữu thanh
- ɥ Âm cận môi - mạc hữu thanh
- ʜ Âm xát nắp họng vô thanh
- ʢ Âm xát nắp họng hữu thanh
- ʡ Âm tắc nắp họng
- ɕ ʑ Âm xát lợi - mạc
- ɺ Âm vỗ lợi bên hữu thanh
- ɧ Phát âm ʃ và x đồng thời

Các âm xát và các cấu âm đôi có thể được thể hiện bằng 2 ký hiệu, và nếu cần thiết, được liên kết bằng một dấu nối. t͡s k͡p

CÁC DẤU PHỤ

◌̥	Vô thanh	n̥ d̥	◌̤	Giọng thở	b̤ a̤	◌̪	Âm răng	t̪ d̪
◌̬	Hữu thanh	s̬ t̬	◌̰	Giọng kẹt	b̰ a̰	◌̺	Âm đầu lưỡi	t̺ d̺
◌ʰ	Bật hơi	tʰ dʰ	◌̼	Lưỡi - môi	t̼ d̼	◌̻	Âm mặt lưỡi	t̻ d̻
◌̹	Tăng tròn môi	ɔ̹	◌ʷ	Môi hóa	tʷ dʷ	◌̃	Mũi hóa	ẽ
◌̜	Giảm tròn môi	ɔ̜	◌ʲ	Mạc hóa	tʲ dʲ	◌ⁿ	Thoát hơi vào âm mũi	dⁿ
◌̟	Đẩy ra	u̟	◌ˠ	Ngạc hóa	tˠ dˠ	◌ˡ	Thoát hơi vào âm bên	dˡ
◌̠	Rút về	e̠	◌ˤ	Yết hầu hóa	tˤ dˤ	◌ˀ	Âm tắc câm	dˀ
◌̈	Trung tâm hóa	ë	~	Ngạc hóa hoặc yết hầu hóa	ɬ			
◌̽	Bán - trung tâm hóa	e̽	◌̝	Nâng cao	e̝ (ɪ̝ = Âm xát lợi hữu thanh)			
◌̩	Âm tiết tính	n̩	◌̞	Hạ thấp	e̞ (β̞ = Âm cận môi - môi hữu thanh)			
◌̯	Phi âm tiết tính	e̯	◌̙	Gốc lưỡi đẩy ra	e̙			
◌˞	Âm sắc R	ɚ a˞	◌̘	Gốc lưỡi rút về	e̘			

Nếu ký hiệu có móc dưới thì dấu phụ sẽ được đặt phía trên ký hiệu, ví dụ: n̊

KÝ HIỆU PHI ĐOẠN TÍNH

ˈ	Trọng âm đầu	ˌfoʊnəˈtɪʃən
ˌ	Trọng âm thứ	
ː	Dài	eː
ˑ	Nửa dài	eˑ
◌̆	Siêu ngắn	ĕ
|	Nhóm ngữ điệu phụ	
‖	Nhóm ngữ điệu chính	
.	Ranh giới âm tiết	ɹi.ækt
‿	Liền (không đứt đoạn)	

THANH ĐIỆU VÀ ÂM ĐIỆU TỪ

CAO ĐỘ			ĐƯỜNG NÉT	
é hoặc ˥	Thanh đỉnh	ě hoặc ˧˥	Lên	
é ˦	Thanh cao	ê ˧˩	Xuống	
ē ˧	Thanh trung	é ˥˧	Lên từ trung	
è ˨	Thanh thấp	è ˩˧	Lên từ thấp	
ȅ ˩	Thanh đáy	ê ˥˩	Lên - xuống	
↓	Xuống bậc	↗	Nhìn chung đi lên	
↑	Lên bậc	↘	Nhìn chung đi xuống	